

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 319 MIỀN NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 25

10
EM
-
B
48
ON
O
U
M
H.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 319 Miền Nam (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Vũ Xuân Thu	Chủ tịch
Ông Quang Học Quảng	Thành viên
Ông Dương Đình Tuấn	Thành viên (bổ nhiệm ngày 27 tháng 5 năm 2020)
Ông Hoàng Quốc Việt	Thành viên (miễn nhiệm ngày 27 tháng 5 năm 2020)

Ban Kiểm soát

Ông Trần Cao Hoàng	Trưởng ban
Bà Lê Thị Hà	Thành viên
Ông Vũ Nhật Vinh	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Dương Đình Tuấn	Giám đốc
Ông Nguyễn Tiến Đức	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 1 tháng 7 năm 2020)

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 1 tháng 1 năm 2020 đến 30 tháng 6 năm 2020 là ông Vũ Xuân Thu - Chủ tịch Công ty, từ ngày 1 tháng 7 năm 2020 cho đến ngày lập báo cáo này là ông Dương Đình Tuấn - Giám đốc Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế AGN International.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Dương Đình Tuấn

Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2021

1711
CÔNG
TN
TỔA
H N
AI
V-T
56
Y
N
D
M
H

Số: 1216/2021/BCKT-ICPA.SG

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 319 Miền Nam

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 319 Miền Nam (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 29 tháng 3 năm 2021, từ trang 5 đến trang 25, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán bởi một doanh nghiệp kiểm toán khác, các kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính đó vào ngày 26 tháng 3 năm 2020 và có ghi chú vấn đề cần nhấn mạnh liên quan đến việc phân loại khoản mục "Phải trả nội bộ ngắn hạn". Như đã nêu tại thuyết minh số VII.2 trong bản thuyết minh Báo cáo tài chính, số dư của khoản mục này đã được trình bày lại nhằm thể hiện mối quan hệ độc lập về pháp nhân đối với Tổng công ty 319 Bộ Quốc Phòng.



Lương Giang Thạch
Phó Giám đốc Chi nhánh
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2178-2018-072-1

Thay mặt và đại diện cho
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ
CHI NHÁNH SÀI GÒN**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2021

Trần Thị Xuân Tước
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số N.4184-2018-072-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		143.565.870.843	221.790.358.708
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	19.375.146.306	99.161.405.723
1. Tiền	111		7.375.146.306	13.066.405.723
2. Các khoản tương đương tiền	112		12.000.000.000	86.095.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		100.709.674.749	105.635.987.557
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	65.662.405.470	91.750.362.045
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	8.530.079.931	6.327.551.821
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	26.517.189.348	7.558.073.691
III. Hàng tồn kho	140		20.647.812.855	13.362.504.583
1. Hàng tồn kho	141	V.5	20.647.812.855	13.362.504.583
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.833.236.933	3.630.460.845
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6.a	2.552.739.816	3.606.666.658
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		280.497.117	23.794.187
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		15.578.439.154	15.278.624.395
I. Tài sản cố định	220		4.347.327.481	5.104.042.052
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	4.347.327.481	5.104.042.052
- Nguyên giá	222		7.761.099.619	7.761.099.619
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.413.772.138)	(2.657.057.567)
II. Tài sản dài hạn khác	260		11.231.111.673	10.174.582.343
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6.b	11.231.111.673	10.174.582.343
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		159.144.309.997	237.068.983.103

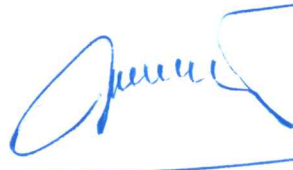
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
				Trình bày lại
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		118.929.583.073	196.456.574.332
I. Nợ ngắn hạn	310		117.336.383.073	194.265.924.332
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.8	80.394.149.471	82.233.971.299
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.9	26.167.147.707	108.034.665.345
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10	659.406.167	769.563.252
4. Phải trả người lao động	314		1.118.570.868	1.442.860.820
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.11	3.296.090.463	887.773.165
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.12.a	5.597.450.000	597.450.000
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		103.568.397	299.640.451
II. Nợ dài hạn	330		1.593.200.000	2.190.650.000
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.12.b	1.593.200.000	2.190.650.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		40.214.726.924	40.612.408.771
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.13	40.214.726.924	40.612.408.771
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		37.956.800.000	37.956.800.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		37.956.800.000	37.956.800.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		435.080.825	492.552.880
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.822.846.099	2.163.055.891
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		-	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		1.822.846.099	2.163.055.891
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		159.144.309.997	237.068.983.103



Phạm Ngọc Thịnh
Người lập biểu



Nguyễn Duy Phương
Kế toán trưởng



Dương Đình Tuấn
Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2021


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2020	2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		207.056.986.552	223.693.741.227
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10	VI.1	207.056.986.552	223.693.741.227
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	196.883.697.452	208.356.976.953
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		10.173.289.100	15.336.764.274
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2.374.819.014	1.140.428.609
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	259.453.984	94.596.250
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		259.453.984	94.596.250
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	10.196.507.309	12.809.627.671
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)]	30		2.092.146.821	3.572.968.962
11. Thu nhập khác	31	VI.6.a	541.785.561	10.471.244
12. Chi phí khác	32	VI.6.b	222.689.041	174.882.684
13. Lợi nhuận/(lỗ) khác (40 = 31 - 32)	40	VI.6	319.096.520	(164.411.440)
14. Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		2.411.243.341	3.408.557.522
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.7	588.397.242	704.737.659
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		1.822.846.099	2.703.819.863
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	423	656



Phạm Ngọc Thịnh
Người lập biểu



Nguyễn Duy Phương
Kế toán trưởng



Dương Đình Tuấn
Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp gián tiếp)*

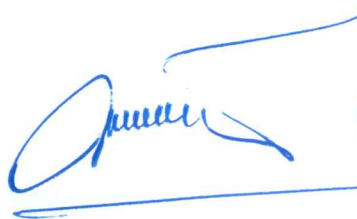
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2020	2019
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	2.411.243.341	3.408.557.522
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐS đầu tư	02	756.714.571	608.658.268
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(2.374.819.014)	(1.119.256.726)
Chi phí lãi vay	06	259.453.984	94.596.250
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	1.052.592.882	2.992.555.314
Giảm/(Tăng) các khoản phải thu	09	4.427.609.878	(5.931.643.185)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(7.285.308.272)	27.322.573.515
(Giảm)/Tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(84.431.966.936)	37.552.575.380
Giảm/(Tăng) chi phí trả trước	12	197.397.512	(5.531.602.710)
Tiền lãi vay đã trả	14	(259.453.984)	(94.596.250)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(367.899.511)	(420.014.386)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(138.600.000)	(890.322.048)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(86.805.628.431)	54.999.525.630
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	-	(4.234.640.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	242.000.000	45.454.545
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.374.819.014	1.140.428.609
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	2.616.819.014	(3.048.756.846)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	5.000.000.000	25.746.591.897
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(597.450.000)	(25.011.371.897)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(74.056.965)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	4.402.550.000	661.163.035
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(79.786.259.417)	52.611.931.819
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	99.161.405.723	46.549.473.904
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	19.375.146.306	99.161.405.723



Phạm Ngọc Thịnh
Người lập biểu



Nguyễn Duy Phương
Kê toán trưởng



Dương Đình Tuấn
Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 319 Miền Nam (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV 319.3 thuộc Tổng Công ty 319 Bộ Quốc phòng và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104895563 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 1 tháng 9 năm 2010 và các lần thay đổi.

Công ty có một chi nhánh hạch toán phụ thuộc. Trụ sở chính và chi nhánh của Công ty đều tọa lạc tại số 20 Cộng Hòa, Phường 12, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty là 37.956.800.000 đồng, được chia thành 3.795.680 cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Công ty mẹ của Công ty là Tổng Công ty 319 Bộ Quốc phòng có trụ sở tại số 63 Lê Văn Lương, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ là 51%.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 48 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 39 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của công ty bao gồm các hoạt động sau: Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt; Khai thác và thu gom than bùn; Sản xuất các cấu kiện kim loại; Phá dỡ; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Khai thác quặng sắt; Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ; Sản xuất đồ gỗ xây dựng; Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Chuẩn bị mặt bằng; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao; Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao; Xây dựng nhà để ở; Xây dựng công trình đường sắt; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí; Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Xây dựng công trình thủy; Xây dựng công trình công ích khác; Xây dựng công trình đường bộ; Xây dựng nhà không để ở; Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế; Lắp đặt hệ thống điện; Hoàn thiện công trình xây dựng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Khai thác, xử lý và cung cấp nước; Thoát nước và xử lý nước thải; Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm; Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Xây dựng công trình khai khoáng; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; và xây dựng công trình chế biến, chế tạo.

Hoạt động chính của Công ty trong năm chủ yếu là xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH****Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày lập báo cáo tài chính. Chi phí trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất không được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp cho đến khi hàng được thanh lý.

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Máy móc, thiết bị	04 - 07
Phương tiện vận tải	03 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 04

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng và các khoản chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua - bán và các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác). Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn, dài hạn trên Báo cáo tài chính dựa theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận theo số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Cổ tức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

Các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập căn cứ vào điều lệ của Công ty và sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông.

Ghi nhận doanh thu*Hợp đồng xây dựng*

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thưởng thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày lập báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Tiền mặt	1.092.508.202	5.047.703
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.282.638.104	13.061.358.020
Các khoản tương đương tiền (i)	12.000.000.000	86.095.000.000
Cộng	19.375.146.306	99.161.405.723

(i) Số dư các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng ở Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Hồ Chí Minh.

2. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông thành phố Hà Nội	37.041.261.144	42.667.174.532
Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực huyện Bình Chánh	3.650.907.564	10.854.570.412
Các đối tượng khác	24.970.236.762	38.228.617.101
Cộng	65.662.405.470	91.750.362.045

3. TRẢ TRƯỚC NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Công ty Cổ phần Xây dựng Việt Đại Thành	1.154.847.920	-
Công ty TNHH Xây dựng Trang trí Nội thất Huỳnh Hoàng	851.989.837	-
Công ty Cổ phần NIPPONLFT VIETNAM	620.000.000	620.000.000
Công ty TNHH Đức Minh Hải	-	2.817.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Xuất nhập khẩu Cát vàng Minh Hưng	-	1.554.122.999
Các đối tượng khác	5.903.242.174	1.336.428.822
Cộng	8.530.079.931	6.327.551.821

4. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Các khoản ký quỹ, bảo lãnh	21.509.366.991	1.797.815.305
Tạm ứng	4.151.398.242	2.656.614.738
Các khoản khác	856.424.115	3.103.643.648
Cộng	26.517.189.348	7.558.073.691

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**5. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	35.330.383	-	982.378.743	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	20.612.482.472	-	12.380.125.840	-
Cộng	20.647.812.855	-	13.362.504.583	-

6. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Chi phí bảo lãnh	368.707.665	444.226.102
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	2.184.032.151	3.162.440.556
	2.552.739.816	3.606.666.658
b. Dài hạn		
Các khoản chi phí đầu tư mỏ đá Mavieck	10.619.525.724	9.400.749.109
Chi phí lán trại	349.557.746	389.168.956
Chi phí sửa chữa tài sản	131.192.309	227.052.018
Chi phí trả trước dài hạn khác	130.835.894	157.612.260
	11.231.111.673	10.174.582.343
Tổng cộng chi phí trả trước	13.783.851.489	13.781.249.001

(*) Các khoản chi phí trả trước liên quan đến mỏ đá Mavieck bao gồm các khoản chi phí cấp quyền khai thác hàng năm, tài sản đã đầu tư, chi phí trông giữ và các khoản chi phí khác phát sinh tại mỏ đá Đông Nam Mavieck tại tỉnh Ninh Thuận. Mỏ đá này đã được cấp quyền khai thác theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 07/GP-UBND ngày 24/02/2016 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Ninh Thuận với thời gian khai thác là 17 năm 6 tháng kể từ ngày ký giấy phép.

- Do phần diện tích khai thác bị chồng lấn 1,15ha với quy hoạch mỏ đá ốp lát của Thủ Tướng Chính Phủ nên việc thực hiện thủ tục thay đổi tên đơn vị khai thác chưa thực hiện được.

- Theo sự chỉ đạo của Tổng công ty và ý kiến của Đoàn kiểm toán Bộ Quốc phòng số 19/VP-KT ngày 17 tháng 5 năm 2019 kiểm toán Báo cáo quyết toán số liệu bàn giao sang Công ty cổ phần của Công ty TNHH MTV 319.3, sau khi thực hiện xong thủ tục điều chỉnh quy hoạch diện tích khai thác mỏ đá, Công ty sẽ thực hiện các bước điều chuyển nguyên trạng Mỏ đá Mavieck, tỉnh Ninh Thuận về Tổng công ty 319 Bộ Quốc phòng theo đúng quy định pháp luật.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Máy móc thiết bị VNĐ	Phương tiện vận tải VNĐ	Thiết bị, dụng cụ quản lý VNĐ	Cộng VNĐ
Nguyên giá				
Tại ngày 01/01/2020	127.272.727	7.273.384.589	360.442.303	7.761.099.619
Tại ngày 31/12/2020	127.272.727	7.273.384.589	360.442.303	7.761.099.619
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2020	121.414.180	2.200.401.149	335.242.238	2.657.057.567
Khấu hao trong năm	5.858.547	728.826.552	22.029.472	756.714.571
Tại ngày 31/12/2020	127.272.727	2.929.227.701	357.271.710	3.413.772.138
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2020	5.858.547	5.072.983.440	25.200.065	5.104.042.052
Tại ngày 31/12/2020	-	4.344.156.888	3.170.593	4.347.327.481

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 235.339.394 đồng (tại ngày 1 tháng 1 năm 2020 là 36.666.667 đồng).

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình dùng để thế chấp đảm bảo khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 3.670.021.333 đồng (tại ngày 1 tháng 1 năm 2020 là 4.093.485.333 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**8. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng thanh toán	Giá trị	Số có khả năng thanh toán
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	13.357.626.712	13.357.626.712	19.059.489.951	19.059.489.951
Tổng Công ty 319 Bộ Quốc phòng	13.357.626.712	13.357.626.712	19.059.489.951	19.059.489.951
Các đối tượng khác	67.036.522.759	67.036.522.759	63.174.481.348	63.174.481.348
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Thương mại Quang Thành	8.276.150.195	8.276.150.195	2.318.900.296	2.318.900.296
Công ty TNHH Xây dựng Trang trí Ngoại thất Phương Đông	6.800.000.000	6.800.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng Thương mại Đại Dũng	5.575.826.174	5.575.826.174	-	-
Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Chính Tiến	3.345.020.572	3.345.020.572	-	-
Các đối tượng khác	43.039.525.818	43.039.525.818	60.855.581.052	60.855.581.052
Cộng	80.394.149.471	80.394.149.471	82.233.971.299	82.233.971.299

9. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2020		01/01/2020	
	VND	VND	VND	VND
Ban quản lý đầu tư xây dựng các công trình giao thông	20.941.777.826	14.904.718.717		
Ban quản lý đầu tư xây dựng và hạ tầng đô thị	4.845.369.881	745.971.112		
Công ty TNHH Long Phước - HT	380.000.000	72.506.000.000		
Các đối tượng khác	-	19.877.975.516		
Cộng	26.167.147.707	108.034.665.345		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	01/01/2020	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2020
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	349.260.350	349.260.350	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	707.494.564	248.802.189	367.899.511	588.397.242
Thuế thu nhập cá nhân	62.068.688	103.329.141	94.388.904	71.008.925
Các khoản khác	-	13.685.268	13.685.268	-
Cộng	769.563.252	715.076.948	825.234.033	659.406.167

11. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Cổ tức phải trả cho cổ đông	2.278.000.000	-
Lãi vay phải trả	200.000.000	-
Các khoản trích theo lương	54.135.247	48.570.103
Các khoản phải trả khác	763.955.216	839.203.062
Cộng	3.296.090.463	887.773.165

Trong đó, số dư phải trả các bên liên quan:

Cổ tức phải trả	2.242.290.720	-
Tổng Công ty 319 Bộ Quốc phòng	1.161.781.920	-
Ông Quang Học Quảng	988.506.090	-
Ông Vũ Xuân Thu	87.861.633	-
Ông Dương Đình Tuấn	4.141.076	-
Lãi vay phải trả	200.000.000	-
Ông Quang Học Quảng	200.000.000	-
Tổng cộng số dư phải trả bên liên quan	2.442.290.720	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**12. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

	31/12/2020		Phát sinh trong năm		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng thanh toán	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng thanh toán
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a. Vay ngắn hạn						
Ông Quang Học Quảng	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-	-
Cộng: Vay dài hạn đến hạn trả	597.450.000	597.450.000			597.450.000	597.450.000
	5.597.450.000	5.597.450.000			597.450.000	597.450.000
b. Vay dài hạn						
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hồ Chí Minh	2.190.650.000	2.190.650.000	-	597.450.000	2.788.100.000	2.788.100.000
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng tới	(597.450.000)	(597.450.000)			(597.450.000)	(597.450.000)
	1.593.200.000	1.593.200.000			2.190.650.000	2.190.650.000
Tổng cộng các khoản vay	7.190.650.000	7.190.650.000			2.788.100.000	2.788.100.000

Thông tin bổ sung cho các khoản vay

Bên cho vay	Số dư	Thời hạn vay	Lãi suất	Mục đích vay	Các thông tin khác
Ngắn hạn					
Ông Quang Học Quảng	5.000.000.000	9 tháng	12%	Bổ sung vốn lưu động.	Lãi suất cố định và được trả 1 lần khi đáo hạn. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
Dài hạn					
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hồ Chí Minh	2.190.650.000	5 năm	Thả nổi	Vay mua xe ô tô.	Lãi suất vay được thả nổi và được xác định bằng lãi suất tiết kiệm trung dài hạn kỳ hạn 24 tháng cộng biên độ 2,8%/năm. Tài sản đảm bảo là Xe ô tô Toyota Land Cruiser biển số 51H - 096.45. Tiền gốc và lãi vay được hoàn trả vào ngày 25 hàng tháng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**12. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

Khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Trong vòng một năm	597.450.000	597.450.000
Trong năm thứ hai	597.450.000	597.450.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	995.750.000	1.593.200.000
	2.190.650.000	2.788.100.000
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng tới	(597.450.000)	(597.450.000)
Số phải trả sau 12 tháng	1.593.200.000	2.190.650.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**13. VỐN CHỦ SỞ HỮU****a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2019	37.956.800.000	148.113.929	74.056.965	444.341.787	38.623.312.681
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	2.703.819.863	2.703.819.863
Chia cổ tức	-	-	-	(74.056.965)	(74.056.965)
Trích lập các quỹ	-	344.438.951	(74.056.965)	(911.048.794)	(640.666.808)
Tại ngày 01/01/2020	37.956.800.000	492.552.880	-	2.163.055.891	40.612.408.771
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	1.822.846.099	1.822.846.099
Chia cổ tức	-	-	-	(2.278.000.000)	(2.278.000.000)
Hoàn nhập các quỹ do tạm trích	-	(57.472.055)	-	114.944.109	57.472.054
Tại ngày 31/12/2020	37.956.800.000	435.080.825	-	1.822.846.099	40.214.726.924

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Tên cổ đông	31/12/2020		01/01/2020	
	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)
Tổng Công ty 319 Bộ Quốc phòng	51,00%	19.358.000.000	51,00%	19.358.000.000
Ông Quang Học Quảng	43,39%	16.470.820.000	1,98%	750.000.000
Ông Vũ Xuân Thu	3,86%	1.463.980.000	3,86%	1.463.980.000
Ông Dương Đình Tuấn	0,18%	69.000.000	0,18%	69.000.000
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Tân Mỹ Á	-	-	41,42%	15.720.820.000
Các cổ đông khác	1,57%	595.000.000	1,57%	595.000.000
Cộng	100,00%	37.956.800.000	100,00%	37.956.800.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**13. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)**c. Cổ phiếu**

	31/12/2020	01/01/2020
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	3.795.680	3.795.680
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	3.795.680	3.795.680
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	3.795.680	3.795.680
Số lượng cổ phiếu đã mua lại	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.795.680	3.795.680
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	3.795.680	3.795.680
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/cổ phiếu		

d. Cổ tức

Theo Nghị quyết số 07/NQ-CT19MN-ĐHCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 ngày 26 tháng 5 năm 2020, phương án chi trả cổ tức năm 2019 đã được phê duyệt với tỷ lệ là 6% vốn điều lệ tương ứng giá trị là 2.278.000.000 đồng.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. DOANH THU**

	2020	2019
	VND	VND
Doanh thu thi công xây lắp	<u>207.056.986.552</u>	<u>223.693.741.227</u>

2. GIÁ VỐN

	2020	2019
	VND	VND
Giá vốn thi công xây lắp	<u>196.883.697.452</u>	<u>208.356.976.953</u>

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2020	2019
	VND	VND
Lãi tiền gửi	<u>2.374.819.014</u>	<u>1.140.428.609</u>

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2020	2019
	VND	VND
Chi phí lãi vay	<u>259.453.984</u>	<u>94.596.250</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (tiếp theo)**5. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	2020 VND	2019 VND
Chi phí nhân viên quản lý	3.418.327.223	5.223.157.601
Chi phí khấu hao tài sản cố định	756.714.571	608.658.268
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí bằng tiền khác	6.018.465.515	6.974.811.802
Cộng	10.196.507.309	12.809.627.671

6. LỢI NHUẬN/(LỖ) KHÁC

	2020 VND	2019 VND
a. Thu nhập khác		
Các khoản khác	541.785.561	10.471.244
b. Chi phí khác		
Các khoản phạt	11.309.370	1.709.440
Lỗi từ thanh lý tài sản cố định	-	21.171.883
Các khoản chi phí khác	211.379.671	152.001.361
	222.689.041	174.882.684
Lợi nhuận/(lỗ) khác	319.096.520	(164.411.440)

7. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2020 VND	2019 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	2.411.243.341	3.408.557.522
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Cộng: Các khoản chi phí không được trừ	317.973.370	115.130.773
Thu nhập chịu thuế	2.729.216.711	3.523.688.295
Thuế suất thông thường	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp	545.843.342	704.737.659
Thuế TNDN năm trước bổ sung	42.553.900	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	588.397.242	704.737.659

8. CHI PHÍ THEO YẾU TỐ

	2020 VND	2019 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	125.041.330.492	82.987.071.396
Chi phí nhân công	50.831.997.707	91.842.290.670
Chi phí khấu hao tài sản cố định	756.714.571	608.658.268
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.734.561.494	7.646.178.018
Chi phí bằng tiền khác	32.861.795.555	24.081.940.882
Cộng	215.226.399.819	207.166.139.234

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (tiếp theo)

9. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	2020	2019
	VND	Điều chỉnh lại (i) VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.822.846.099	2.703.819.863
Trừ: Số trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(212.909.932)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.822.846.099	2.490.909.931
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm	3.795.680	3.795.680
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	480	656

(i) Lợi nhuận dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu của kỳ so sánh đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trên báo cáo tài chính năm trước nhằm phản ánh quyết định phân phối lợi nhuận sau thuế của năm 2019 theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông thường niên năm 2020.

VII. THÔNG TIN KHÁC

1. DANH SÁCH VÀ CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty 319 Bộ Quốc phòng	Công ty mẹ
Ông Quang Học Quảng	Cổ đông lớn - Thành viên HĐQT
Ông Vũ Xuân Thu	Chủ tịch HĐQT
Ông Dương Đình Tuấn	Thành viên HĐQT - Giám đốc

Trong năm, Công ty còn phát sinh các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan:

	2020	2019
	VND	VND
Tổng Công ty 319 Bộ Quốc phòng		
Phí sử dụng thương hiệu	1.752.405.395	2.777.246.090
Chi phí thuê văn phòng	1.072.100.355	1.072.100.356
Ông Quang Học Quảng		
Thu tiền đi vay	5.000.000.000	-
Lãi vay phát sinh trong năm	200.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

1. DANH SÁCH VÀ CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc được hưởng trong năm:

	2020 VND	2019 VND
Ông Vũ Xuân Thu	335.920.000	384.080.000
Ông Dương Đình Tuấn	296.920.000	332.300.000
Ông Trần Cao Hoàng	218.920.000	221.180.000
Ông Vũ Nhật Vinh	168.077.487	152.498.390
Ông Nguyễn Tiến Đức	138.668.766	193.025.025
Bà Lê Thị Hà	103.157.647	96.526.660
Ông Hoàng Quốc Việt	47.993.333	175.993.333
Ông Quang Học Quảng	43.000.000	36.000.000
Cộng	1.352.657.233	1.591.603.408

2. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán bởi một doanh nghiệp kiểm toán khác.

Số dư của khoản mục "Phải trả nội bộ ngắn hạn" đã được trình bày lại nhằm thể hiện mối quan hệ độc lập về pháp nhân đối với Tổng công ty 319 Bộ Quốc Phòng. Ảnh hưởng của việc trình bày lại đến số liệu Bảng cân đối kế toán như sau:

CHỈ TIÊU	Mã số	31/12/2019	Phân loại lại VND	01/01/2020
		Số đã báo cáo VND		Trình bày lại VND
Bảng cân đối kế toán				
Phải trả người bán ngắn hạn	311	63.174.481.348	19.059.489.951	82.233.971.299
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316	19.059.489.951	(19.059.489.951)	-

3. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính cần được điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.



Phạm Ngọc Thịnh
Người lập biểu



Nguyễn Duy Phương
Kế toán trưởng



Dương Đình Tuấn
Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2021